

**CÔNG TY TNHH VINASAO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VINASAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINASAO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108294612

**3. Ngày thành lập:** 28/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11, ngách 157/29/9 Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                       | 0118        |
| 2.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                        | 0150        |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                         | 1030        |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                     | 4932        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cầm)                | 4620        |
| 6.  | Bán buôn gạo                                                                                         | 4631        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                   | 4632(Chính) |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện        | 4649        |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                     | 4633        |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                  | 4651        |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4721        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4722        |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 14. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                      | 1010        |
| 15. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                              | 1020        |
| 16. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                | 1075        |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                        | 4610        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                  | 4931        |
| 19. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                | 5021        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022 |
| 21. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                         | 6619 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659 |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                             | 4719 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                     | 8299 |
| 29. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 31. | Trồng lúa                                                                                                                                                               | 0111 |
| 32. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                 | 0112 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN SAO | Thôn Nguyên Sơn, Xã Thiệu Nguyên, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam          | 4.680.000.000         | 52,000    | 038089005804                                                                                                                                      |         |
| 2   | LÊ THỊ THẢO    | Đội 6, Xã Thăng Bình, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                      | 4.320.000.000         | 48,000    | 173227459                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SAO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038089005804

Ngày cấp: 28/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nguyên Sơn, Xã Thiệu Nguyên, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 403, đường thị trấn Văn Giang, Thị Trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội